

Mẫu số 6

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÀNH VIÊN TRỞ LỀN

I. Thành viên là cá nhân

Số tự	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Loại giấy tờ, số, ngày cấp, cơ quan cấp, Giấy tờ pháp lý của cá nhân ¹	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Vốn góp	Thời hạn góp vốn ⁴	Chữ ký của thành viên ⁵	Ghi chú (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	PHẠM THANH HỮU NGHĨA	10/06/1986	Nam	Căn cước công dân: 0510860145 Ngày cấp: 30/08/2021	Số 62/26 Đường Nguyễn Thị Phố, Khu phố	3.500.000.000 VND	70	Loại tài sản: Đất Việt Nam Số lượng: 3.500.000.000 đồng	09/10/2019	14/10/2019	14/10/2019	N:3702817380- M:6.D

¹ Nếu cột số 5 kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7.

² Ghi phần vốn góp của từng thành viên. Giá trị ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, ghi bằng số, loại ngoại tệ (nếu có).

³ Loại tài sản bao gồm: Đồng Việt Nam; Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ); Vàng; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật; Tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản).

⁴ Có thể lập thành danh mục riêng kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

⁵ - Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời hạn góp vốn là thời hạn thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không kê khai thời hạn góp vốn.

⁵ - Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thành viên có phần vốn góp không thay đổi không bắt buộc phải ký vào phần này.

- Trường hợp đăng ký thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thì không cần chữ ký tại phần này.



II. Thành viên là tổ chức

1. Thông tin thành viên

S T	Tên thành viên	Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn góp	Thời hạn góp vốn ⁸	Ghi chú (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7
8	9					

2. Thông tin người đại diện theo pháp luật/Ủy quyền của thành viên

S T	Tên thành viên	Tên người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo uỷ quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân ⁹	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Vốn được uỷ quyền ¹⁰	Tỷ lệ ¹¹ (%)	Thời điểm đại diện phản vốn	Chữ ký của người đại diện theo pháp luật/người đại diện theo uỷ quyền ¹²
									Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
												14

^{6,7,8} Kê khai tương tự thành viên là cá nhân.

⁹Nếu cột số 6 kê khai Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 7, 8.

¹⁰ Không phải kê khai phần này đối với trường hợp kê khai người đại diện theo pháp luật.

¹¹ Tỷ lệ % của phần vốn góp được ủy quyền đại diện trên tổng số vốn góp của thành viên đó tại doanh nghiệp.

¹² Người được kê khai thông tin ký trực tiếp vào phần này.

